

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN L  
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/DS - ST.

Ngày: 18 - 02 - 2019.

V/v “tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Dương Thị Thanh Hoa.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Quyết Chiến.
2. Ông Trà Minh Châu.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Buól – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân HUYỆN L, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân HUYỆN L, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Dương Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 101/2018/TLST- DS ngày 18 tháng 10 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Đ, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số 67/5A, ấp 5, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

Bị đơn: Bà Trương Thị Thu M, sinh năm 1981; Địa chỉ: Ấp 2, thị trấn L, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Theo đơn khởi kiện ngày 27/8/2018 của nguyên đơn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Đ trình bày:*

Bà Trương Thị Thu M có vay của bà tổng cộng 60.000.000 đồng cụ thể:

Ngày 14/4/2017 âm lịch vay 20.000.000 đồng, lãi suất do các bên tự thỏa thuận, thời hạn vay là 01 tháng sẽ trả gốc và lãi đầy đủ, khi vay hai bên có làm biên nhận. Khi đến hạn bà Mộng chỉ trả được cho bà 04 tháng lãi và 2.000.000 đồng tiền gốc; Ngày 13/11/2017 bà Mộng vay thêm của bà 40.000.000 đồng để đáo nợ

ngân hàng, thời hạn vay là 01 tuần. Nhưng đến hạn bà Mộng không thanh toán số tiền gốc 58.000.000 đồng cho bà.

Sau khi sự việc xảy ra, bà gửi đơn khiếu nại qua Hội liên hiệp phụ nữ huyện Cù Lao Dung và tại đây bà Mộng có làm bằng cam kết thừa nhận có nợ của bà 58.000.000 đồng tiền gốc và cam kết sẽ trả cho bà nhưng bà Mộng không thực hiện đúng như cam kết.

Theo đơn khởi kiện bà yêu cầu buộc bà Mộng phải thanh toán cho bà 58.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 13/11/2017 đến khi xét xử xong vụ án. Tại phiên tòa, bà yêu cầu thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ buộc bà Mộng trả 58.000.000 đồng tiền gốc, riêng phần lãi bà không yêu cầu.

*- Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân HUYỆN Ltham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Xác định đúng quan hệ tranh chấp. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Dương sự tham gia phiên tòa đã chấp hành đúng nội quy phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 280, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Mộng phải có trách nhiệm trả cho bà Đào 58.000.000 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trương Thị Thu M mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo về việc thụ lý vụ án số 101/TB-TLVA ngày 18/10/2018; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập số 101 ngày 20/11/2018; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập số 102 ngày 11/12/2018; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập xét xử số 01/2019/QĐXXST-DS ngày 15/01/2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2019/QĐST – DS ngày 31/01/2019, giấy triệu tập số 04 ngày 31/01/2019 nhưng vẫn không có văn bản trả lời và vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Trương Thị Thu M.

[2] Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/8/2018 bà Đào yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Mộng phải trả cho bà 58.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi tính từ ngày 13/11/2017 cho đến ngày giải quyết xong theo lãi suất pháp luật quy định. Tuy

nhiên, tại phiên tòa bà Trần Thị Đ yêu cầu Tòa án buộc bà Mộng trả tiền gốc, đối với phần lãi bà không yêu cầu. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu của bà Đào không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa hôm nay vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc 58.000.000 đồng. Xét thấy: Để chứng minh cho yêu cầu của mình nguyên đơn cung cấp cho Tòa án “Bảng cam kết” đề ngày 11/11/2018, viết tại Hội liên hiệp phụ nữ huyện Cù Lao Dung, có chữ ký của bà Trương Thị Thu M và chữ viết do bà Mộng tự viết trong đó thể hiện “ Tôi có mượn của em Đào tổng số tiền là 58.000.000đ (Năm mươi tám triệu đồng)” và bà Mộng cam kết trả nợ cho bà Đào tại cơ quan Hội liên hiệp phụ nữ huyện Cù Lao Dung và chứng cứ này cũng phù hợp với biên bản xác minh ngày 07/01/2019 của Tòa án nhân dân huyện L đối với Hội liên hiệp phụ nữ huyện Cù Lao Dung xác định “Trong thời điểm công tác tại Hội liên hiệp phụ nữ, bà Mộng có bị bà Trần Thị Đ làm đơn thưa gửi đến Hội liên hiệp phụ nữ huyện Cù Lao Dung với nội dung cho rằng bà Mộng còn nợ bà Đào 58.000.000 đồng tiền gốc, Hội liên hiệp phụ nữ Cù Lao Dung mời bà Mộng giải quyết vụ án và tại buổi làm việc ngày 11/11/2018 bà Trương Thị Thu M thừa nhận còn nợ của bà Trần Thị Đ 58.000.000 đồng tiền gốc, bà Mộng có làm Bảng cam kết cho bà Đào, Bảng cam kết ngày 11/11/2018 là do bà Mộng tự viết tại Hội liên hiệp phụ nữ huyện Cù Lao Dung, chữ ký là của bà Trương Thị Thu M”. Mặt khác, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện L có tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý cho bị đơn và pho to các tài liệu chứng cứ cho bị đơn nhưng bị đơn không có văn bản trả lời, bị đơn đều vắng mặt nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ vay và từ bỏ quyền, nghĩa vụ chứng minh và không đưa ra chứng cứ để phủ nhận hay phản đối gì đối với yêu cầu của nguyên đơn nên đủ căn cứ để Hội đồng xét xử xác định bị đơn có vay của nguyên đơn (nên đủ căn cứ để Hội đồng xét xử xác định bị đơn có vay của nguyên đơn) số tiền là 58.000.000 đồng tiền gốc là có căn cứ. Đối chiếu với Điều 280, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền gốc 58.000.000 đồng là có căn cứ.

[4] Về lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn không có ý kiến gì phần lãi mà bị đơn đã trả cho nguyên đơn và tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí theo qui định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[6]. Như đã phân tích nêu trên xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện L là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 280, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

***Tuyên xử:***

1. Buộc bà Trương Thị Thu M phải có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Đ số tiền là 58.000.000(Năm mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bà Trần Thị Đ có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng bà Trương Thị Thu M còn phải trả số tiền lãi cho bà Trần Thị Đ theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trương Thị Thu M phải chịu 2.900.000 đồng (Hai triệu chín trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho bà Trần Thị Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.580.500 (Một triệu năm trăm tám mươi nghìn năm trăm) đồng theo biên lai số 0005648 ngày 17/10/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện L;
- Các đương sự;
- Chi cục T.H.A DS huyện Long Phú;
- Lưu (HS, VP).

**DƯƠNG THỊ THANH HOA**